

**TÒA PHÚC THẨM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2025/HC-PT

Ngày: 22/8/2025.

*V/v khiếu kiện quyết định hành
chính, hành vi hành chính trong lĩnh
vực quản lý đất đai.*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà **Trần Thị Kim Liên**

Các Thẩm phán: ông **Lê Văn Thường**

ông **Nguyễn Tấn Long**

- Thư ký phiên tòa: ông **Trương Quốc Lập**, Thư ký Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng: ông **Trần Việt Tuấn** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 185/TLPT-HC ngày 12 tháng 5 năm 2025 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 13/2025/HC-ST ngày 10/4/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 238A/2025/QĐ-PT ngày 08 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

1.1. Vợ, chồng ông **Trương Văn K** - sinh năm 1952 và bà **Võ Thị Á** - sinh năm 1951.

Cùng địa chỉ: **thôn V, xã H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên (nay là thôn V, phường Đ, tỉnh Đắk Lắk)**. Ông **K** có mặt, bà **Á** vắng mặt.

- Người đại diện theo ủy quyền của ông Trương Văn K và bà Võ Thị Á: ông **Trương Thanh T1** - sinh năm 1991 (con của ông **K**, bà **Á**); địa chỉ: **thôn V, xã H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên (nay là thôn V, phường Đ, tỉnh Đắk Lắk)**. Ông **T1** có mặt.

1.2. Vợ, chồng bà **Trương Thị Thanh T2** - sinh năm 1980 và ông **Lê H** - sinh năm 1977; cùng địa chỉ: **thôn V, xã H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên (nay là thôn V, phường Đ, tỉnh Đắk Lắk)**.

- Người đại diện theo uỷ quyền của ông **Lê H**: bà **Trương Thị Thanh T2** - sinh năm 1980 (văn bản uỷ quyền ngày 06/8/2025); địa chỉ: **thôn V, xã H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên (nay là thôn V, phường Đ, tỉnh Đắk Lắk)**. Bà T2 có mặt.

1.3. Vợ, chồng ông **Trương Thanh T3** - sinh năm 1978 và bà **Võ Thị K1** - sinh năm 1985; cùng địa chỉ: **thôn V, xã H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên (nay là thôn V, phường Đ, tỉnh Đắk Lắk)**.

- Người đại diện theo uỷ quyền của bà **Võ Thị K1**: ông **Trương Thanh T3** - sinh năm 1978 (văn bản uỷ quyền ngày 06/8/2025); địa chỉ: **thôn V, xã H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên (nay là thôn V, phường Đ, tỉnh Đắk Lắk)**. Ông T3 có mặt.

1.4. Vợ, chồng bà **Trương Thị Thanh T4** - sinh năm 1984 và ông **Lê Đức T5** - sinh năm 1984; cùng địa chỉ: **thôn V, xã H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên (nay là thôn V, phường Đ, tỉnh Đắk Lắk)**. Có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: ông **Nguyễn Anh T6** - Luật sư của **Công ty L1**; địa chỉ: **số A đường C tháng D, phường H, thành phố Đà Nẵng**. Có mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thị xã Đ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Đ, tỉnh Phú Yên (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Ủy ban nhân dân phường Đ, tỉnh Đắk Lắk và Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Đ, tỉnh Đắk Lắk).

- Người đại diện theo pháp luật: ông **Huỳnh Mỹ P** - Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Đ.

- Người đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện: ông **Trương Ngọc T7**; chức vụ: Phó Chủ tịch UBND phường Đ (văn bản uỷ quyền số 02/UQ-UBND ngày 20/8/2025). Có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: ông **Nguyễn Lê T8** - Chánh Văn phòng HĐND và UBND phường Đ. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

Vợ, chồng ông **Trương Thanh T9** - sinh năm 1986 và bà **Trần Thị Minh P1** - sinh năm 1993; cùng địa chỉ: **thôn V, xã H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên (nay là thôn V, phường Đ, tỉnh Đắk Lắk)**. Vắng mặt.

- Người đại diện theo uỷ quyền của ông **Trương Thanh T9** và bà **Trần Thị Minh P1**: ông **Nguyễn Anh T6** - sinh năm 1983 (văn bản uỷ quyền ngày 06/8/2025); địa chỉ: **số A đường C tháng D, phường H, thành phố Đà Nẵng**. Có mặt.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

4.1. Ủy ban nhân dân xã H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Ủy ban nhân dân phường Đ, tỉnh Đắk Lắk).

- Người đại diện theo ủy quyền: ông Trương Ngọc T7; chức vụ: Phó Chủ tịch UBND phường Đ (văn bản ủy quyền số 02/UQ-UBND ngày 20/8/2025). Có mặt.

4.2. Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thị xã Đ, tỉnh Phú Yên (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực Đ, tỉnh Đắk Lắk).

- Người đại diện theo ủy quyền: ông Huỳnh Tân T10; chức vụ: Phó Giám đốc chi nhánh. Có mặt.

5. Người kháng cáo: người khởi kiện ông Trương Văn K và bà Võ Thị Á, bà Trương Thị Thanh T4 và ông Lê Đức T5, bà Trương Thị Thanh T2 và ông Lê H, ông Trương Thanh T3 và bà Võ Thị K1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Trương Thanh T9 và bà Trần Thị Minh P1.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo Đơn khởi kiện đề ngày 07/10/2024 và ngày 11/11/2024, được sửa đổi, bổ sung ngày 09/12/2024; quá trình tố tụng, người khởi kiện vợ, chồng ông Trương Văn K, bà Võ Thị Á và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày được tóm tắt như sau:

Vợ, chồng ông Trương Văn K, bà Võ Thị Á được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất ngày 02/8/2013 tại thửa đất số 459, tờ bản đồ số 15-D, diện tích 725m² đất, địa chỉ: thôn V, xã H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên (nay là thôn V, phường Đ, tỉnh Đắk Lắk).

Trước đây nhiều năm vợ, chồng ông, bà và các con hợp gia đình, thống nhất phân chia đều cho 05 người con, mỗi người một phần đất tại thửa đất này để có nơi xây dựng nhà để ở cùng nhau. Các con, các cháu nội ngoại cùng chung sống với vợ, chồng ông K, bà Á tại thửa đất nêu trên. Năm 2015, bà Á được hưởng chính sách hỗ trợ tiền sửa chữa nhà ở bị xuống cấp, hư hỏng nặng cho người có công cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù đầy và là thân nhân liệt sỹ với số tiền hỗ trợ 20.000.000đồng. Cùng thời điểm trên, 04 người con gồm: Trương Thanh T3, Trương Thị Thanh T2, Trương Thị Thanh T4, Trương Thanh T9 cùng góp tiền với vợ, chồng ông K xây dựng thêm 01 ngôi nhà mới bên cạnh ngôi nhà cũ cho con, cháu để đủ diện tích có chỗ ở, cùng chung sống với vợ, chồng ông K.

Cuối năm 2022, đầu năm 2023, cán bộ thuộc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thị xã Đ đến đo đạc, kiểm đếm tài sản để làm đường cao tốc Bắc - Nam đoạn C - V qua thị xã Đ. Thời điểm này gia đình ông mới được nghe nói đến việc sẽ có đường cao tốc Bắc - Nam đi qua.

Thực hiện Quyết định số 849/QĐ-UBND ngày 06/3/2024 của Ủy ban nhân dân thị xã Đ về việc thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng nên ông đã tháo dỡ căn nhà cũ được sửa chữa năm 2015. Hộ gia đình Trương Thanh T9 thuê nhà trọ tại thành phố T để sinh sống. Còn hộ ông K, hộ ông T3, hộ bà T2, hộ bà T4 tiếp tục sinh sống trong căn nhà còn lại mà vợ, chồng ông và các con đã góp tiền xây mới năm 2015. Các hộ của các con của ông nhập khẩu, tách khẩu từ tháng 02/2022 (trở về trước). Riêng Trương Thanh T3 thì từ trước đến nay chưa bao giờ tách khẩu đi đâu, tháng 3/2023 mới có thông báo thu hồi đất của Ủy ban nhân dân thị xã Đ.

Ngày 04/7/2024, đối thoại với Ủy ban nhân dân thị xã Đ, nội dung biên bản làm việc không khách quan, có phần áp đặt gây ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình. Ngày 08/7/2024, ông K làm đơn kiến nghị, phản ánh gửi Ủy ban nhân dân thị xã Đ yêu cầu giải quyết khiếu nại.

Các con, cháu, dâu, rể nhiều năm qua cùng chung sống với vợ, chồng ông K tại nhà đất ở thôn V, xã H, thị xã Đ. Phần lớn thời gian ban ngày đi làm, đi học, tối về cùng chung sống với vợ, chồng ông. Các cơ quan chức năng xác minh những người nhiều năm không đến nhà ông một lần hoặc những người có mâu thuẫn với gia đình ông. Trưởng thôn V là ông Trương Trọng D cả năm đến nhà ông 0 đến 02 lần (đến ban ngày, không đến ban đêm). Trước đó, ông D đã ký xác nhận Giấy ý kiến về việc vợ, chồng các con cháu của ông cùng chung sống với với nhau nhiều năm nay tại nhà ông nhưng không hiểu tại sao sau đó làm việc với Ủy ban nhân dân thị xã Đ thì ông D lại nói khác. Còn các hộ dân xác nhận các con, cháu, dâu, rể của ông cùng chung sống với vợ, chồng ông thì không thấy Ủy ban nhân dân thị xã Đ đưa vào làm căn cứ xem xét, đánh giá.

Việc Ủy ban nhân dân thị xã Đ căn cứ vào mức tiêu thụ điện trước và sau thời điểm tháng 02/2022; các cháu của ông học ở các trường không thuộc địa phận xã H để góp phần đi đến kết luận các hộ con của ông (trong đó có hộ Trương Thanh T9) không chung sống tại nhà đất ở của ông là không đúng, mang tính chủ quan. Ủy ban nhân dân thị xã Đ không căn cứ vào thực tế tại thửa đất của ông có 02 ngôi nhà (có 06 gian phòng ở), nhiều công trình phụ kèm theo (các bản kiểm đếm cũng thể hiện), mỗi tối gia đình con, cháu, dâu, rể đều quay quần đông vui nhưng cơ quan chức năng không quan tâm, trực tiếp kiểm tra, xác thực.

Các quyết định hành chính bị kiện cũng không căn cứ vào Luật Cư trú để xem xét, giải quyết. Các con, cháu, dâu, rể của ông chỉ có nơi thường trú tại cùng nhà với vợ, chồng ông, không có nơi tạm trú nào khác.

Đối với Trương Thanh T9: Ủy ban nhân dân thị xã Đ căn cứ vào việc đăng ký hộ khẩu của hộ ông T9 để không giao đất tái định cư là trái quy định. Thực tế hộ ông T9 chung sống cùng nhà với vợ, chồng ông. Hộ ông T9 không có đất ở, nhà ở nào khác tại xã H, thị xã Đ. Trương Thanh T9 và Trần Thị Minh P1 có đứng tên thửa đất tại thành phố T (đất trống không có nhà ở, không thuộc địa phương xã H). Việc con của T9 học trường mầm non tại thành phố T là dễ thuận

tiện cho việc đưa đón khi đi làm. Ủy ban nhân dân thị xã Đ hộ ông T9 sống tại thành phố T là không có cơ sở.

Vợ, chồng ông Trương Văn K đã nhận đất tái định cư tại thực địa và ký nhận vào biên bản bàn giao.

Ủy ban nhân dân thị xã Đ căn cứ văn bản của Cục thuế tỉnh P trả lời để làm cơ sở trả lời cho hộ ông K được căn cứ vào các cơ sở pháp lý ban hành sau thời điểm thu hồi nên không phù hợp với quy định pháp luật. Trường hợp miễn, giảm tiền sử dụng đất cho người có công với cách mạng được áp dụng khi Nhà nước giao đất, bao gồm cả giao đất tái định cư (theo Pháp lệnh về người có công với cách mạng và Luật Đất đai) nhưng Ủy ban nhân dân thị xã Đ lại căn cứ vào Nghị định của Chính phủ và Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh P là văn bản có giá trị pháp lý thấp hơn để áp dụng là bất lợi cho người dân. Vì vậy, ông Trương Văn K, bà Võ Thị Á yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy bỏ Quyết định số 4241/QĐ-UBND ngày 11/9/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông Trương Văn K (lần đầu);

- Hủy bỏ một phần Quyết định số 843/QĐ-UBND ngày 06/3/2024 của UBND thị xã Đ về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện dự án thành phần đoạn C - V thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 đoạn thuộc địa phận thị xã Đ, tại xã H (đợt 57) (phần liên quan đến gia đình ông và các con của ông);

- Hủy bỏ một phần Quyết định 3147/QĐ-UBND ngày 29/7/2024 của UBND thị xã Đ về việc phê duyệt Phương án điều chỉnh, bổ sung khoản 4, khoản 6 Điều 1 Quyết định số 843/QĐ-UBND ngày 06/3/2024 của Ủy ban nhân dân thị xã Đ về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện dự án thành phần đoạn C - V thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 đoạn thuộc địa phận thị xã Đ, tại xã H (đợt 57) (phần liên quan đến gia đình ông và các con của ông);

- Hủy bỏ Quyết định số 909/QĐ-UBND ngày 08/3/2024 của Ủy ban nhân dân thị xã Đ về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông Trương Văn K, bị ảnh hưởng bởi dự án thành phần đoạn C - V thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 đoạn thuộc địa phận thị xã Đ, tại xã H (đợt 57);

- Hủy bỏ Quyết định số 3845/QĐ-UBND ngày 15/8/2024 của Ủy ban nhân dân thị xã Đ về việc điều chỉnh, bổ sung khoản 1 Điều 1 Quyết định 909/QĐ-UBND ngày 08/3/2024 của Ủy ban nhân dân thị xã Đ;

- Buộc Ủy ban nhân dân thị xã Đ bồi thường thiệt hại, khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp của gia đình ông (Trương Văn K) bị xâm phạm do các quyết định hành chính, hành vi hành chính, quyết định giải quyết khiếu nại nói trên. Cụ thể:

- + Cho phép hộ ông K, bà Á lựa chọn lô đất tái định cư vị trí trục đường đường 16m thuộc khu tái định cư M, H, thị xã Đ;

+ Đề nghị miễn/ giảm tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư vì bà **Võ Thị Á** là người có công cách mạng bị địch bắt tù đầy, thờ cúng Liệt sỹ **Võ Ngọc Á**, từ trước đến nay chưa được hưởng chính sách này, vấn đề này đã được quy định rõ tại các quy định pháp luật về ưu đãi người có công cách mạng và quy định pháp luật về đất đai.

* *Người khởi kiện vợ, chồng bà **Trương Thị Thanh T2** và ông **Lê H**; vợ, chồng ông **Trương Thanh T3** và bà **Võ Thị K1**; vợ, chồng bà **Trương Thị Thanh T4** và ông **Lê Đức T5** trình bày:* thống nhất nội dung trình bày và yêu cầu hủy các quyết định hành chính như vợ, chồng ông **Trương Văn K**, bà **Võ Thị Á** đã nêu. Đồng thời yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc Ủy ban nhân dân thị xã Đ giao cho các hộ gia đình: vợ, chồng bà **Trương Thị Thanh T2** và ông **Lê H**; vợ, chồng ông **Trương Thanh T3** và bà **Võ Thị K1**; vợ, chồng bà **Trương Thị Thanh T4** và ông **Lê Đức T5** - mỗi hộ 01 lô đất tái định cư tại khu tái định cư M, H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên;

- Buộc Ủy ban nhân dân thị xã Đ hỗ trợ di chuyển chỗ ở và thuê nhà trọ cho hộ gia đình bà **Trương Thị Thanh T2**, hộ ông **Trương Thanh T3** và hộ bà **Trương Thị Thanh T4**.

* *Người bị kiện Ủy ban nhân dân thị xã Đ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Đ trình bày:*

1. Về nội dung yêu cầu hủy bỏ các Quyết định của Ủy ban nhân dân thị xã Đ và Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Đ:

Thực hiện Kế hoạch số 200/KH-UBND ngày 26/8/2022 của Ủy ban nhân dân thị xã Đ về việc thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để thực hiện hiện dự án thành phần Đoạn C - V thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025, đoạn qua địa phận thị xã Đ. Theo Phiếu xác nhận về thông tin của hộ gia đình, cá nhân, nguồn gốc sử dụng đất tháng 4/2023 của Ủy ban nhân dân xã H đối với hộ ông **Trương Văn K**, như sau:

+ Thừa trích đo hiện trạng số 59, tờ bản đồ 02/2022: diện tích 957,4m², diện tích thu hồi 732m², diện tích còn lại 225,4m², loại đất ONT+BHK.

+ Theo hồ sơ địa chính (bản đồ đo đạc 1995) trùng với thửa 459, tờ bản đồ 15-D, diện tích 725m², loại đất ONT+BHK, được đăng ký tên ông **Trương Văn K** (Sổ mục kê quyền 01, trang 185, lập ngày 10/4/1998 và Sổ địa chính quyền 04, trang 127, lập ngày 30/5/1998).

+ Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 459, tờ bản đồ 15-D, diện tích 725m² đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho ông **Trương Văn K** và vợ **Võ Thị Á** ngày 02/8/2013, sử dụng ổn định, không tranh chấp.

+ Diện tích hiện trạng tăng 232,4m² so với Giấy chứng nhận đã cấp là do ông **Trương Văn K** sử dụng lấn thêm phần đất lúa (phần diện tích lấn thêm nằm ngoài dự án).

Quá trình thu hồi đất, lập và thực hiện Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trình cấp có thẩm quyền phê duyệt cho hộ ông **Trương Văn K** là đúng quy định của pháp luật. Chủ tịch **Ủy ban nhân dân thị xã Đ** đã giải quyết khiếu nại đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật khiếu nại. Do đó, người khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định của **Ủy ban nhân dân thị xã Đ** và Chủ tịch **Ủy ban nhân dân thị xã Đ** là không có cơ sở.

2. Về yêu cầu tính lại mức giá tiền đền bù nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho đầy đủ, phù hợp thực tế và theo mức giá của năm 2024 là thời điểm thu hồi đất, đền bù, hỗ trợ tái định cư:

Thực hiện dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - N, **Ủy ban nhân dân tỉnh P** ban hành Quyết định số 1479/QĐ-UBND ngày 13/12/2022 về việc phê duyệt giá đất cụ thể làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án **thành phần Đoạn C - V** thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025 đoạn qua địa bàn **thị xã Đ**. Căn cứ Quyết định nêu trên, **Ủy ban nhân dân thị xã Đ** đã áp dụng giá đất cụ thể đã được phê duyệt để bồi thường, hỗ trợ cho ông **Trương Văn K** là đúng quy định của pháp luật.

3. Về yêu cầu bổ sung bồi thường đầy đủ các phần tài sản đã bị tính thiếu (gồm: đất nâng nền nhà, đất nâng nền sân vườn): căn cứ các Biên bản kiểm kê đất đai, tài sản gắn liền với đất có xác nhận của ông **Trương Văn K**, **Ban Q** quỹ đất **thị xã Đ** tiến hành các trình tự lập bảng tính chi tiết và bồi thường các tài sản gắn liền với đất cho hộ ông **Trương Văn K** đảm bảo theo thực tế và đúng theo quy định của pháp luật nên yêu cầu bồi thường bổ sung đất nâng nền nhà, đất nâng nền sân vườn là không có cơ sở.

4. Về yêu cầu bổ sung phần hỗ trợ đối với bà **Võ Thị Á** (vợ ông **K**) là người có công cách mạng, là chiến sỹ cách mạng bị địch bắt tù đầy, đang thờ cúng Liệt sỹ theo quy định và được cho phép lựa chọn vị trí đường 16m tại **khu tái định cư M, H, thị xã Đ**: vợ, chồng ông **Trương Văn K**, bà **Võ Thị Á** là gia đình chính sách phải di chuyển chỗ ở do bị ảnh hưởng bởi dự án **thành phần Đoạn C - V** thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - N. Ủy ban nhân dân thị xã đã hỗ trợ cho vợ, chồng ông **K**, bà **A** số tiền 5.000.000đồng (năm triệu đồng) tại Quyết định số 3147/QĐ-UBND ngày 29/7/2024 của **Ủy ban nhân dân thị xã Đ**.

Đối với việc đề nghị cho phép lựa chọn vị trí đường 16m tại **khu tái định cư M, H, thị xã Đ**. Qua kiểm tra hộ ông **Trương Văn K** có điều kiện bố trí tái định cư và trong hộ gia đình có người có công cách mạng. Do đó, hộ ông **K** thuộc đối tượng được ưu tiên vị trí thuận lợi theo khoản 2 Điều 86 của Luật Đất đai năm 2013. Tại buổi đối thoại ngày 04/7/2024, ông **K** đã thống nhất nhận lô đất tái định cư tại phường Hòa Hiệp Bắc.

Thị xã Đông Hòa chỉ có hai trục đường thuộc khu tái định cư là trục đường 10m và trục đường 16m. Trục đường 16m được sử dụng để bố trí tái định cư cho các hộ gia đình bị Nhà nước thu hồi đất thuộc vị trí 1 và vị trí 2; trục đường 10m

được sử dụng để bố trí tái định cư cho các hộ gia đình bị Nhà nước thu hồi đất thuộc vị trí 3 và vị trí 4. Hộ ông **Trương Văn K** bị Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án thuộc vị trí 3 và bà **Võ Thị Á** là người có công với cách mạng nên được ưu tiên lựa chọn lô đất trên trục đường 10m (theo khoản 2 Điều 86 của Luật Đất đai năm 2013, Quyết định số 53/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh P về việc Ban hành giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên 5 năm (2020-2024) và Quyết định số 54/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh P về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 53/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh P về việc Ban hành giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên 5 năm (2020-2024).

5. Về đề nghị miễn/ giảm tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư vì bà **Võ Thị Á** (vợ ông **K**) là người có công cách mạng, là chiến sỹ cách mạng bị địch bắt tù đầy, đang thờ cúng Liệt sỹ **Võ Ngọc Á**, từ trước đến nay chưa được hưởng chính sách này, vấn đề này đã được quy định rõ tại các quy định pháp luật về ưu đãi người có công cách mạng và quy định pháp luật về đất đai: theo quy định tại Điều 3 Quyết định số 38/2024/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh P: “Phân cấp cho UBND cấp huyện thực hiện việc tiếp nhận, xét duyệt hồ sơ và ban hành Quyết định phê duyệt miễn, giảm tiền sử dụng đất ở đối với người có công với cách mạng trên địa bàn quản lý”.

Ủy ban nhân dân thị xã Đ có công văn số 7015/UBND-TCKH ngày 01/11/2024 gửi Cục thuế tỉnh P đề nghị cho ý kiến đối với trường hợp xét hồ sơ miễn, giảm tiền sử dụng đất.

Trên cơ sở công văn số 3550/CTPHY-NVDTTPC ngày 27/11/2024 của Cục thuế tỉnh P về việc miễn, giảm tiền sử dụng đất ở tái định cư cho người có công cách mạng, ngày 29/11/2024, Ủy ban nhân dân thị xã Đ ban hành Thông báo số 1051/TB-UBND về kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị miễn, giảm tiền sử dụng đất ở cho đối tượng người có công với cách mạng bà **Võ Thị Á**, thường trú thôn V, xã H. Theo đó, “Trường hợp người có công cách mạng chỉ được miễn, giảm tiền sử dụng đất trong hạn mức giao đất ở khi Nhà nước giao đất ở, chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở, công nhận quyền sử dụng đất, khi được mua nhà ở thuộc sở hữu của Nhà nước, không quy định về miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với trường hợp người có công với cách mạng được giao đất ở tái định cư”. Do đó, không có cơ sở để xem xét, quyết định thực hiện chính sách miễn, giảm tiền sử dụng đất ở cho hộ bà **Võ Thị Á**.

6. Đối với yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân thị xã Đ giao 01 lô đất tái định cư tại M, xã H, thị xã Đ cho hộ ông **Trương Thanh T9**, bà **Trần Thị Minh P1**; buộc Ủy ban nhân dân thị xã Đ giao cho hộ ông **Trương Thanh T3**, bà **Võ Thị K1**; bà **Trương Thị Thanh T2**, ông **Lê H**; bà **Trương Thị Thanh T4**, ông **Lê Đức T5** mỗi hộ 01 lô đất tái định cư và hỗ trợ di chuyển chỗ ở, thuê nhà trọ cho mỗi hộ gia đình theo quy định pháp luật:

a) Đối với trường hợp của ông **Trương Thanh T9**, bà **Trần Thị Minh P1**: từ năm 1986 đến năm 2005, ông **T9** là nhân khẩu thuộc hộ ông **Trương Văn K**.

Ngày 10/10/2005, ông T9 cắt khẩu đi học tại trường T13. Ngày 19/9/2017, ông T9 chuyển khẩu từ phường I, thành phố T, tỉnh Phú Yên nhập khẩu vào hộ ông K. Ngày 07/4/2021, Trương Bảo N, sinh năm 2021 (con của ông Trương Thanh T9) đăng ký thường trú (nhập sinh vào hộ ông nội là ông K). Ngày 23/02/2022, ông T9 tách hộ cùng nhà từ hộ ông K, kèm theo 01 nhân khẩu là con Trương Bảo Minh N. Ngày 24/02/2022, bà Trần Thị Minh P1 (vợ của ông T9) cắt khẩu từ khu phố Đ, phường E, thành phố T, tỉnh Phú Yên nhập vào hộ ông T9 tại V, xã H.

Ngày 17/4/2024, Ủy ban nhân dân xã C Công an xã và cán bộ địa chính xã H đến Công an phường H1, thành phố T xác minh về việc cư trú của bà Trần Thị Minh P1. Từ năm 2022 đến nay, xác nhận bà Trần Thị Minh P1 có sinh sống tại số nhà B tổ B, khu phố L, phường H, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Tuy nhiên, từ năm 2022 đến nay chưa có đăng ký tạm trú tại phường H, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Từ năm 2022 đến nay, bà Trần Thị Minh P1 sinh sống cùng chồng là ông Trương Thanh T9 tại nhà riêng ở tổ B, khu phố L, phường H, thành phố T. Hiện nay trên địa bàn xã H, ông Trương Thanh T9 và vợ Trần Thị Minh P1 không có đất ở, nhà ở nào khác.

Con của ông Trương Thanh T9 - cháu Trương Bảo Minh N (sinh năm 2021) hiện đang học tại trường Mầm non B, thành phố T, lớp 36 tháng tuổi (theo thông tin cung cấp tại công văn số 213/PGDDT ngày 16/4/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố T).

Ông Trương Thanh T9 và bà Trần Thị Minh P1 có đứng tên chủ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở tại thửa đất số 141, tờ bản đồ số 32 (đo đạc 2004) địa chỉ tại: hẻm N, phường G, thành phố T, tỉnh Phú Yên theo Giấy chứng nhận số CS 053623, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CS 02095 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh P cấp ngày 30/9/2019, chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố T chỉnh lý và xác nhận chuyển nhượng cho ông Trương Thanh T9 và bà Trần Thị Minh P1 vào ngày 31/7/2023 (theo thông tin cung cấp tại công văn số 824/CNVPĐKĐĐ ngày 10/4/2024 của chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố T).

Đa số các hộ dân xác nhận các con, cháu của ông Trương Văn K (trong đó có vợ, chồng ông Trương Thanh T9, bà Trần Thị Minh P1) không thường xuyên sinh sống cùng gia đình ông Trương Văn K nhưng thỉnh thoảng có về thăm ông K.

b) Trường hợp ông Trương Thanh T3, bà Võ Thị K1: từ năm 1984 đến năm 2022, ông Trương Thanh T3 là nhân khẩu thuộc hộ của ông Trương Văn K. Đến ngày 24/02/2022, ông T3 tách hộ cùng nhà từ hộ ông K. Cùng ngày, bà Võ Thị K1 (vợ ông T3) và Trương Nhật M (con ông T3) chuyển khẩu từ thôn C, xã H nhập khẩu vào hộ ông T3 tại V, xã H. Ngày 09/6/2022, Trương Thế V (con của ông T3) đăng ký thường trú nhập sinh vào hộ ông T3.

Ngày 10/3/2006, ông T3 đăng ký kết hôn với bà Võ Thị K1 (sinh năm 1985, ở thôn C). Từ năm 2006 đến năm 2010, bà Võ Thị K1 không đăng ký nhập khẩu vào hộ ông Trương Văn K. Năm 2010, ông T3 và bà K1 ly hôn (theo Quyết định số 32/2010/QĐST-HNGĐ ngày 13/11/2010 của Toà án nhân dân huyện Đông Hòa). Ngày 26/8/2011, bà K1 tách hộ cùng nhà từ hộ ông Võ Ngọc Đ (cha của bà K1) tại thôn C, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên. Năm 2022, ông T3 và bà K1 đăng ký kết hôn (tái hôn) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 19 ngày 22/02/2022.

Vào thời điểm thông báo thu hồi đất, bà K1 có đứng tên 01 (một) thửa đất ở tại thôn C, được cấp Giấy chứng nhận có số phát hành CB396575, thửa đất số 353, tờ bản đồ 14D, diện tích 150m² ONT, cấp ngày 22/12/2015 nhận tặng cho của bà Huỳnh Thị L từ ngày 07/12/2015, đã đăng ký tên Võ Thị K1 (Sổ mục kê quyền 04, trang 178) trên thửa đất có nhà ở.

Từ khi tái hôn năm 2022 và theo xác nhận thông tin về cư trú của Công an xã H ngày 24/02/2022, chỉ có ông T3 cùng con chung sống với hộ ông K trên cùng thửa đất ở, nhà ở.

Tại Biên bản làm việc ngày 08/7/2024 với Tổ xác minh và ông Trương Văn T11 - Trưởng thôn Cảnh P2, xã H cho biết qua nắm bắt thông tin của nhân dân khu vực xung quanh và một số người lớn tuổi được biết từ năm 2006 đến năm 2010, bà K1 chủ yếu sinh sống với cha, mẹ đẻ của bà K1 ở tổ A, thôn C, có thường lên xuống nhà ông K. Năm 2010, bà K1 ly hôn ông T3. Năm 2011, bà K1 chuyển đến nhà bà ngoại tại tổ I, thôn C, xã H và sinh sống cho đến nay.

c) Trường hợp bà Trương Thị Thanh T2, ông Lê H: ngày 04/10/2010, bà T2 cắt khẩu (từ hộ ông K) chuyển theo chồng đến Hội Cư, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên. Ngày 24/02/2022, bà T2 cắt khẩu cả hộ từ thôn H, xã H, huyện T đăng ký thường trú vào hộ ông Trương Văn K và xin tách hộ cùng nhà (gồm 04 nhân khẩu).

Từ năm 2008 đến ngày 24/02/2022, ông Lê H có hộ khẩu, sinh sống và xây dựng nhà ở, mở quán bia hơi trên đất cha ruột tại thôn H, xã H.

Ngày 24/02/2022, ông Lê H và vợ Trương Thị Thanh T2 cùng các con chuyển khẩu về thôn V, xã H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Từ khi thực hiện Kế hoạch số 200/KH-UBND ngày 26/8/2022 của Ủy ban nhân dân thị xã Đ, vợ, chồng bà T2 và ông H không thường xuyên sinh sống với hộ ông Trương Văn K trên cùng thửa đất ở, nhà ở.

Hiện nay trên địa bàn xã H, bà T2, ông H không có đất ở, nhà ở nào khác. Các con của bà T2, ông H đều học tại trường H2, huyện T.

d) Trường hợp bà Trương Thị Thanh T4, ông Lê Đức T5: ngày 09/02/2007, bà Trương Thị Thanh T4 cắt khẩu chuyển theo chồng đến thôn H, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên. Ngày 24/02/2022, bà T4 cắt khẩu cả hộ từ H, xã H đăng ký thường trú vào hộ ông K và xin tách hộ (gồm 04 nhân khẩu) cùng nhà ông K.

Từ khi thực hiện Kế hoạch số 200/KH-UBND ngày 26/8/2022 của Ủy ban nhân dân thị xã Đ, vợ, chồng ông T5, bà T4 không thường xuyên cùng chung sống với hộ ông K trên cùng thửa đất ở, nhà ở.

Hiện nay trên địa bàn xã H bà T4, ông T5 không có đất ở, nhà ở nào khác. Các con của bà T4, ông T5 đều học tại các trường ở thành phố T.

Hộ ông Lê Đức T5 đứng tên chủ sử dụng 02 thửa đất, gồm: thửa số 3, tờ bản đồ số 05, diện tích 1.006,1m² (trong đó: 130m² đất ở tại nông thôn và 876,1m² đất trồng cây hàng năm khác); thửa đất số 27, tờ bản đồ số 05, diện tích 419,3m² (trong đó: 250m² đất ở và 169,3m² đất khác). Hiện trạng thửa đất số 27, tờ bản đồ số 05 (Bản đồ đo đạc năm 2009) có 01 căn nhà cấp 4.

Cả 04 trường hợp hộ gia đình nêu trên, thì đa số các hộ dân xác nhận các con, cháu của ông Trương Văn K không thường xuyên sinh sống cùng gia đình ông K. Tuy nhiên, thỉnh thoảng có về thăm ông K.

Ủy ban nhân dân thị xã Đ tiến hành xác minh tại Điện lực Đ. Qua đối chiếu thông tin, hồ sơ bán điện thì chỉ có khách hàng là ông Trương Văn K... chỉ tiêu 1 hộ (không có hộ dùng chung công tơ). Sản lượng điện tiêu thụ của ông Trương Văn K từ tháng 01/2021 đến tháng 12/2021 giao động từ 77 kWh đến 205 kWh; từ tháng 01/2022 đến tháng 12/2022 giao động từ 74 kWh đến 158kWh; từ tháng 01/2023 đến tháng 12/2023 dao động từ 72 kWh đến 188kWh; từ tháng 01/2024 đến tháng 5/2024 giao động từ 110kWh đến 301kWh.

Từ những nội dung xác minh nêu trên cho thấy: việc đăng ký thường trú và tách hộ của các hộ gia đình Trương Thanh T3, Trương Thị Thanh T2, Trương Thị Thanh T4 được thực hiện vào cùng một ngày 24/02/2022. Riêng ông Trương Thanh T9 tách hộ ngày 23/02/2022 (trước các hộ nêu trên 01 ngày) và nhập khẩu bà Trần Thị Minh P1 (vợ ông Trương Thanh T9) vào ngày 24/02/2022 (cùng ngày với 03 hộ nêu trên). Việc đăng ký thường trú và tách hộ của các hộ gia đình này được thực hiện gần như cùng thời điểm. Tổng số nhân khẩu được đăng ký thường trú tại nhà ông Trương Văn K từ ngày 24/02/2022 đến nay là 18 nhân khẩu, nhưng sản lượng tiêu thụ điện của hộ ông K trong các năm 2021, năm 2022 và năm 2023 không có sự chênh lệch nhiều, có một số tháng của năm 2022, năm 2023 tiêu thụ ít hơn năm 2021. Căn cứ kết quả xác minh thể hiện về tình trạng đất ở, nhà ở của các con của ông Trương Văn K đã có nơi ở khác, sản lượng điện chỉ có hộ ông K (không có hộ dùng chung công tơ); sản lượng tiêu thụ điện của hộ ông K từ tháng 01/2021 đến tháng 12/2023 không chênh lệch tăng theo số nhân khẩu nhập vào hộ ông K (từ 03 nhân khẩu tăng lên thành 18 nhân khẩu). Các biên bản họp xét tái định cư trường hợp nhiều thế hệ của Ủy ban nhân dân thị xã H có liên quan đến các con của ông Trương Văn K (Biên bản ngày 25/10/2023; Biên bản số 03/BB-UBND ngày 14/5/2024; Biên bản số 04/BB-UBND ngày 12/6/2024) và theo xác nhận của các hộ dân sinh sống gần khu vực nhà ông K và Trưởng thôn V xác định các cặp vợ, chồng con của ông Trương Văn K (T3, T2, T4, T9) không thường xuyên chung sống với hộ ông K.

Do đó, ông K; ông T9; vợ, chồng ông T3; vợ, chồng bà T2 và vợ chồng bà T4 yêu cầu giao cho các con của ông mỗi hộ 01 lô tái định cư là không có cơ sở.

7. Về yêu cầu hỗ trợ di chuyển chỗ ở và thuê nhà trọ cho hộ ông Trương Thanh T9, bà Trần Thị Minh P1; hộ ông Trương Thanh T3, hộ bà Trương Thị Thanh T2, hộ bà Trương Thị Thanh T4: theo Phiếu xác nhận thông tin tháng 4/2023 của Ủy ban nhân dân xã H, hộ ông Trương Văn K có 03 nhân khẩu gồm: ông K (chủ hộ), bà Á (vợ), ông T1 (con). Hộ ông K thu hồi hết đất ở, thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở, trên địa bàn xã H không còn đất ở, nhà ở nào khác. Theo Bảng tính chi tiết ngày 04/12/2023 hộ ông Trương Văn K được hỗ trợ tiền thuê nhà ở (hộ từ 04 nhân khẩu trở xuống) trong thời gian 06 tháng, mỗi tháng 800.000đồng/hộ, thành tiền 4.800.000đồng.

Theo Biên bản số 04/BB-UBND ngày 12/6/2024 ngày 12/6/2024 của Ủy ban nhân dân xã H về việc xét tái định cư trường hợp nhiều thế hệ đối với các hộ con của ông Trương Văn K, Hội đồng xét nguồn gốc đất thống nhất các hộ con ông Trương Văn K gồm: hộ ông Trương Thanh T3, hộ bà Trương Thị Thanh T2, hộ bà Trương Thị Thanh T4 và hộ ông Trương Thanh T9 chưa đủ điều kiện xét tái định cư.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 23 Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND ngày 22/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh P về hỗ trợ tiền thuê nhà như sau: “Hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất phải di chuyển chỗ ở mà không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn thì trong thời gian chờ tạo lập chỗ ở mới được bố trí vào nhà ở tạm. Nếu không bố trí được vào nhà ở tạm thì được hỗ trợ tiền thuê nhà ở trong thời gian 06 (sáu) tháng. Mức hỗ trợ tiền thuê nhà mỗi tháng như sau: a) Đối với hộ gia đình có số nhân khẩu (được xác định trên cơ sở sổ hộ khẩu hoặc cơ sở dữ liệu về cư trú theo quy định của Luật Cư trú năm 2020 và thực tế đang cư trú tại địa phương, đang sinh sống trong hộ gia đình) từ 04 người trở xuống: mức hỗ trợ...1.200.000đồng/hộ đối với các xã thuộc thành phố T, các phường thuộc thị xã S, Đ và thị trấn của các huyện,...”.

Ủy ban nhân dân thị xã Đ đã hỗ trợ tiền thuê nhà cho hộ ông Trương Văn K với số tiền 4.800.000đồng/ 06 tháng là đúng quy định của pháp luật. Việc những người khởi kiện yêu cầu hỗ trợ thêm là không có cơ sở.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập vợ, chồng ông Trương Thanh T9 và bà Trần Thị Minh P1 trình bày: thống nhất nội dung trình bày của ông Trương Văn K, bà Võ Thị Á. Yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân thị xã Đ giao cho hộ ông T9, bà P1 một lô đất tái định cư tại khu tái định cư M, H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Ngoài ra, không có yêu cầu nào khác.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thị xã Đ trình bày: thống nhất nội dung quan điểm của người bị kiện Ủy ban nhân dân thị xã Đ.

- Ủy ban nhân dân xã H không có văn bản trình bày ý kiến, tại phiên tòa trình bày: thống nhất ý kiến của Ủy ban nhân dân thị xã Đ. Ủy ban nhân dân xã H đã thành lập Hội đồng xét nguồn gốc đất, xét giao đất tái định cư. Các thành phần tham gia (trong đó có Trưởng thôn V) xác định hộ ông Trương Văn K có 03 nhân khẩu (K, Á, T1). Các hộ ông Trương Thanh T3 và bà Võ Thị K1; hộ bà Trương Thị Thanh T2 và ông Lê H; hộ bà Trương Thị Thanh T4 và ông Lê Đức T5; hộ ông Trương Thanh T9 và bà Trần Thị Minh P1 không cùng chung sống với hộ ông Trương Văn K tại nhà ở, thửa đất của hộ ông K bị thu hồi nên chưa đủ điều kiện giao đất tái định cư.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 18/2025/HC-ST ngày 10/4/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk) đã quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, Điều 159, khoản 2 Điều 173, điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng Hành chính; Điều 69, Điều 74 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; điểm g khoản 2 Điều 5 của Pháp lệnh số 02/2020/UBNVQH14 ngày 09/12/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ưu đãi người có công với cách mạng; Điều 104, Điều 105 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh ưu đãi người có công với Cách mạng; Điều 10, Điều 11, Điều 12 Nghị định số 45/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất; khoản 3 Điều 4 của Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND ngày 22/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh P ban hành Quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của những người khởi kiện vợ, chồng ông Trương Văn K, bà Võ Thị Á; vợ, chồng bà Trương Thị Thanh T2 và ông Lê H; vợ, chồng ông Trương Thanh T3 và bà Võ Thị K1; vợ, chồng bà Trương Thị Thanh T4 và ông Lê Đức T5, về các yêu cầu:

- Hủy bỏ Quyết định số 4241/QĐ-UBND ngày 11/9/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông Trương Văn K (lần đầu);

- Hủy bỏ một phần Quyết định số 843/QĐ-UBND ngày 06/3/2024 của Ủy ban nhân dân thị xã Đ về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện dự án thành phần đoạn C - V thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 đoạn thuộc địa phận thị xã Đ, tại xã H (đợt 57) (phần liên quan đến gia đình ông K và các con);

- Hủy bỏ một phần Quyết định số 3147/QĐ-UBND ngày 29/7/2024 của Ủy ban nhân dân thị xã Đ về việc phê duyệt Phương án điều chỉnh, bổ sung khoản 4, khoản 6 Điều 1 Quyết định số 843/QĐ-UBND ngày 06/3/2024 của Ủy ban nhân dân thị xã Đ về việc phê duyệt Phương án bồi thường hỗ trợ tái định cư để thực hiện dự án thành phần đoạn C - V thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 đoạn thuộc địa phận thị xã Đ, tại xã H (đợt 57) (phần liên quan đến gia đình ông K và các con);

- Hủy bỏ Quyết định số 909/QĐ-UBND ngày 08/3/2024 của Ủy ban nhân dân thị xã Đ về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông Trương Văn K, bị ảnh hưởng bởi dự án thành phần đoạn C - V thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 đoạn thuộc địa phận thị xã Đ, tại xã H (đợt 57);

- Hủy bỏ Quyết định số 3845/QĐ-UBND ngày 15/8/2024 của Ủy ban nhân dân thị xã Đ về việc điều chỉnh, bổ sung khoản 1 Điều 1 Quyết định 909/QĐ-UBND ngày 08/3/2024 của Ủy ban nhân dân thị xã Đ;

- Buộc Ủy ban nhân dân thị xã Đ bồi thường thiệt hại, khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp của gia đình ông (Trương Văn K) bị xâm phạm do các quyết định hành chính, hành vi hành chính, quyết định giải quyết khiếu nại nói trên. Cụ thể:

+ Cho phép hộ ông Trương Văn K, bà Võ Thị Á lựa chọn lô đất tái định cư vị trí trục đường 16m thuộc khu tái định cư M, H, thị xã Đ;

+ Đề nghị miễn/ giảm tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư vì bà Võ Thị Á là người có công cách mạng bị địch bắt tù đầy, thờ cúng Liệt sỹ Võ Ngọc Á, từ trước đến nay chưa được hưởng chính sách này, vấn đề này đã được quy định rõ tại các quy định pháp luật về ưu đãi người có công cách mạng và quy định pháp luật về đất đai.

- Buộc Ủy ban nhân dân thị xã Đ giao cho các hộ gia đình: vợ, chồng bà Trương Thị Thanh T2 và ông Lê H; vợ, chồng ông Trương Thanh T3 và bà Võ Thị K1; vợ, chồng bà Trương Thị Thanh T4 và ông Lê Đức T5 mỗi hộ một lô đất tái định cư tại khu tái định cư M, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên;

- Buộc Ủy ban nhân dân thị xã Đ hỗ trợ di chuyển chỗ ở và thuê nhà trọ cho hộ gia đình bà Trương Thị Thanh T2; hộ ông Trương Thanh T3, hộ bà Trương Thị Thanh T4.

Vì không có căn cứ pháp luật.

2. Bác yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Trương Thanh T9 về yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân thị xã Đ giao cho hộ gia đình ông Trương Thanh T9, bà Trần Thị Minh P1 01 (một) lô đất tái định cư tại khu tái định cư M, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.

Vì không có căn cứ pháp luật.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu: bổ sung phần hỗ trợ đối với bà Võ Thị Á (vợ ông K) là người có công cách mạng, chiến sỹ cách mạng bị địch bắt tù

đầy, đang thờ cúng Liệt sỹ; bổ sung bồi thường đầy đủ các phần tài sản đã bị tính thiếu gồm: đất nâng nền nhà, đất nâng nền sân vườn vì người khởi kiện ông **Trương Văn K**, bà **Võ Thị Á** tự nguyện rút yêu cầu này.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/4/2025, người khởi kiện ông **Trương Văn K** và bà **Võ Thị Á** kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Người khởi kiện bà **Trương Thị Thanh T4** và ông **Lê Đức T5** kháng cáo yêu cầu chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ, chồng ông, bà. Người khởi kiện bà **Trương Thị Thanh T2** và ông **Lê H** kháng cáo yêu cầu chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ, chồng ông, bà. Người khởi kiện ông **Trương Thanh T3** và bà **Võ Thị K1** kháng cáo yêu cầu chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ, chồng ông, bà. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông **Trương Thanh T9** và bà **Trần Thị Minh P1** kháng cáo yêu cầu chấp nhận yêu cầu độc lập của vợ, chồng ông, bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo. Ông **Nguyễn Anh T6** giữ nguyên nội dung kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông **Trương Thanh T9** và bà **Trần Thị Minh P1**.

- Luật sư **Nguyễn Anh T6** đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập, sửa bản án sơ thẩm theo hướng: cho phép hộ ông **K**, bà **Á** lựa chọn lô đất tái định cư vị trí trục đường 16m thuộc **khu tái định cư M, phường Đ**; miễn/ giảm tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư vì bà **Á** là người có công cách mạng, thờ cúng Liệt sỹ; bố trí tái định cư cho vợ chồng bà **T2** và ông **H**, vợ chồng ông **T3** và bà **K1**, vợ chồng bà **T12** và ông **T5**, vợ chồng ông **T6** và bà **P1**.

- Ông **Nguyễn Lê T8** đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định pháp luật. Bản án sơ thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là đúng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 18/2025/HC-ST ngày 10/4/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bản án sơ thẩm xác định đối tượng, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên là đúng quy định tại khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng Hành chính. Đối với Quyết định số 845/QĐ-UBND ngày 06/3/2024 của Ủy ban nhân dân thị xã Đ về việc phê duyệt Phương án bố trí tái định cư; bồi thường bằng đất ở, giao đất có thu tiền sử dụng đất không bị khởi kiện nhưng có liên quan đến yêu cầu khởi kiện nên án sơ thẩm xem xét là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 6 của Luật Tố tụng Hành chính.

[1.2] Trước khi xét xử sơ thẩm, người khởi kiện rút một phần yêu cầu khởi kiện về bổ sung phần hỗ trợ đối với bà Võ Thị Á (vợ ông Trương Văn K) là người có công cách mạng, là chiến sỹ cách mạng bị địch bắt tù đầy, đang thờ cúng Liệt sỹ; bổ sung bồi thường đầy đủ các phần tài sản đã bị tính thiếu gồm đất nâng nền nhà, đất nâng nền sân vườn nên án sơ thẩm đã đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu này.

[2] Xét kháng cáo của người khởi kiện ông Trương Văn K và bà Võ Thị Á, bà Trương Thị Thanh T4 và ông Lê Đức T5, bà Trương Thị Thanh T2 và ông Lê H, ông Trương Thanh T3 và bà Võ Thị K1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Trương Thanh T9 và bà Trần Thị Minh P1. Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Xét tính hợp pháp của các quyết định hành chính bị kiện về thẩm quyền, trình tự và thủ tục ban hành: Quyết định số 4241/QĐ-UBND ngày 11/9/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Đ, các Quyết định số 843/QĐ-UBND ngày 06/3/2024, Quyết định số 3147/QĐ-UBND ngày 29/7/2024, Quyết định số 909/QĐ-UBND ngày 08/3/2024, Quyết định số 3845/QĐ-UBND ngày 15/8/2024 của Ủy ban nhân dân thị xã Đ được ban hành là đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 30, Điều 31 của Luật Khiếu nại, Điều 69 của Luật Đất đai năm 2013.

[2.2] Xét tính hợp pháp của các quyết định hành chính bị kiện về nội dung:

[2.2.1] Về nguồn gốc đất: theo hồ sơ địa chính (Bản đồ đo đạc năm 1995), thửa đất số 459, tờ bản đồ 15-D, diện tích 725m², loại đất ONT+BHK được đăng ký tên ông Trương Văn K (Sổ mục kê quyền 01, trang 185, lập ngày 10/4/1998 và Sổ địa chính quyền 04, trang 127, lập ngày 10/4/1998 được Giám đốc Sở Địa chính phê duyệt ngày 30/5/1998), địa chỉ thửa đất tại thôn V, xã H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên (nay là thôn V, phường Đ, tỉnh Đắk Lắk). Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 000339 ngày 02/8/2013, diện tích 725m² (trong đó: 200m² đất ở nông thôn, 525m² đất trồng cây hằng năm khác) cho ông Trương Văn K và bà Võ Thị Á.

[2.2.2] Thực hiện dự án thành phần đoạn C - V thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam, Ủy ban nhân dân thị xã Đ đã ban hành quyết

định thu hồi đất; quyết định về việc phê duyệt phương án bố trí tái định cư, bồi thường bằng đất ở; quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; quyết định phê duyệt phương án điều chỉnh, bổ sung; quyết định về việc bồi thường, hỗ trợ; quyết định về việc điều chỉnh, bổ sung cho hộ gia đình ông **Trương Văn K** do bị ảnh hưởng bởi dự án thành phần cao tốc Bắc - N. Theo Phiếu kết quả đo đạc hiện trạng ngày 30/8/2022 do **Công ty TNHH Đ1** thực hiện (phục vụ giải phóng mặt bằng) thì: thửa trích đo số 59, tờ bản đồ 02/2022, có tổng diện tích 957,4m² đất, loại đất ONT+BHK (trong đó: diện tích thu hồi 732m², diện tích còn lại 225,4m²). Theo phương án được phê duyệt, hộ gia đình ông **K** được bồi thường, hỗ trợ tổng số tiền 1.106.114.136đồng; số tiền sử dụng đất tái định cư phải nộp 220.000.000đồng; số tiền hộ ông **K** được nhận là 886.114.136đồng và 01 lô đất tái định cư với diện tích 200m² đất, đường 10 mét tại Khu tái định cư dự án tuyến nối **Quốc lộ A (Đ) đến khu công nghiệp H (gọi là Khu tái định cư M, phường H, thị xã Đ)**. Ông **K** thống nhất chọn **Lô B**, diện tích 200m², vị trí đường 10m thuộc dự án Khu tái định cư dự án Tuyến nối QL1A đến **khu công nghiệp H** và đã nhận bàn giao lô đất tái định cư. Xét thửa đất ông **K** bị thu hồi thuộc vị trí 3, do bà **Võ Thị Á** là người có công với cách mạng nên được ưu tiên lựa chọn lô đất tái định cư và đã được giao đất trên thực địa lô đất tái định cư B38, trục đường 10m, vị trí 2, diện tích 200m² tại **Khu tái định cư M, phường H, thị xã Đ (nay là phường Đ)** là đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho gia đình ông **K**, bà **Á** theo đúng quy định tại Điều 74, khoản 2 Điều 86 của Luật Đất đai năm 2013.

[2.2.3] Đối với kháng cáo yêu cầu miễn/ giảm tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư cho hộ ông **K**, bà **Á** vì bà **Á** là người có công cách mạng, là chiến sỹ cách mạng bị địch bắt tù đầy, đang thờ cúng Liệt sỹ, Hội đồng xét xử thấy: không có quy định về miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với người có công với cách mạng khi Nhà nước thu hồi đất. Do đó, **Ủy ban nhân dân thị xã Đ** không miễn, giảm tiền sử dụng đất ở cho hộ gia đình ông **K**, bà **Á** là đúng quy định tại điểm g khoản 2 Điều 5 Pháp lệnh số 02/2020/UBNVQH14 ngày 09/12/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ưu đãi người có công với cách mạng, Điều 104 và Điều 105 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng.

[2.2.4] Xét kháng cáo yêu cầu giao đất tái định cư cho các hộ gia đình bà **Trương Thị Thanh T2**, ông **Lê H**; ông **Trương Thanh T3**, bà **Võ Thị K1**; bà **Trương Thị Thanh T4**, ông **Lê Đức T5** và ông **Trương Thanh T9**, bà **Trần Thị Minh P1**, Hội đồng xét xử thấy: căn cứ Biên bản số 04/BB-UBND ngày 12/6/2024 xét tái định cư trường hợp nhiều thế hệ của **Ủy ban nhân dân xã H**, Hội đồng xét nguồn gốc đất thống nhất các hộ con của ông **Trương Văn K** gồm: hộ ông **Trương Thanh T3**, hộ bà **Trương Thị Thanh T2**, hộ bà **Trương Thị Thanh T4** và hộ ông **Trương Thanh T9** không thường xuyên chung sống cùng hộ ông **K** trên thửa đất ở thu hồi nên chưa đủ điều kiện xét tái định cư. Ông **Trương Trọng D** (Trưởng thôn **V**) và các hộ dân sống gần khu vực nhà ông **K** cũng xác nhận các con của ông **K** không thường xuyên chung sống cùng hộ gia đình ông

K. Bên cạnh đó, sản lượng tiêu thụ điện chỉ có một hộ ông K (không có hộ dùng chung công tơ) và từ tháng 01/2021 đến tháng 12/2023 sản lượng tiêu thụ điện của hộ ông K không chênh lệch tăng theo số nhân khẩu nhập vào hộ ông K (từ 03 nhân khẩu tăng lên 18 nhân khẩu).

Theo công văn số 09/CAX ngày 21/3/2024 của Công an xã H về việc trao đổi thông tin công dân, thể hiện: ngày 24/02/2022, ông Trương Thanh T3 tách hộ (01 người) cùng nhà từ hộ ông K; đồng thời, bà Võ Thị K1 (vợ ông T3), con Trương Nhật M chuyển khẩu từ thôn C, xã H nhập vào hộ ông T3 tại thôn V, xã H. Ngày 24/02/2022, bà Trương Thị Thanh T2 cắt khẩu cả hộ từ thôn H, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên đăng ký vào hộ K và xin tách hộ cùng nhà. Ngày 24/02/2022, bà Trương Thị Thanh T4 cắt khẩu cả hộ từ thôn H, Hòa Xuân N1, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên đăng ký vào hộ K và xin tách hộ cùng nhà. Ngày 24/02/2022, ông Trương Thanh T9 tách hộ cùng nhà, kèm theo 01 nhân khẩu là con Trương Bảo Minh N (sinh năm 2021). Ngày 24/02/2022, bà Trần Thị Minh P1 (vợ ông T9) cắt khẩu từ khu phố Đ, phường E, thành phố T, tỉnh Phú Yên nhập vào hộ ông T9 tại thôn V, xã H. Ngoài ra, theo kết quả xác minh trường hợp hộ ông T3, thì bà K1 (vợ ông T3) có đứng tên tại thửa đất số 353, tờ bản đồ 14D, diện tích 150m² đất ở nông thôn được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 396575 ngày 22/12/2015 tại thôn C, xã H. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định: mặc dù các hộ gia đình con của ông K có hộ khẩu tại thôn V nhưng không thường xuyên chung sống cùng hộ gia đình ông K. Do đó, Ủy ban nhân dân thị xã Đ không bố trí tái định cư cho các hộ gia đình con của ông K mỗi hộ một lô đất tái định cư, là đúng quy định của pháp luật.

[2.2.5] Đối với yêu cầu hỗ trợ di chuyển chỗ ở và thuê nhà trọ cho hộ ông Trương Thanh T3, hộ bà Trương Thị Thanh T2, hộ bà Trương Thị Thanh T4 thì thấy rằng: các hộ ông T3, bà T2 và bà T4 không bị thu hồi đất, không cùng chung sống với hộ ông K tại thửa đất ở thu hồi. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này là có căn cứ.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử bác toàn bộ kháng cáo của người khởi kiện ông Trương Văn K và bà Võ Thị Á, bà Trương Thị Thanh T4 và ông Lê Đức T5, bà Trương Thị Thanh T2 và ông Lê H, ông Trương Thanh T3 và bà Võ Thị K1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Trương Thanh T9 và bà Trần Thị Minh P1 và không chấp nhận lời bảo vệ của Luật sư mà chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] Do toàn bộ nội dung kháng cáo không được chấp nhận nên bà Trương Thị Thanh T2, ông Lê H; ông Trương Thanh T3, bà Võ Thị K1; bà Trương Thị Thanh T4, ông Lê Đức T5; ông Trương Thanh T9, bà Trần Thị Minh P1 phải nộp tiền án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 34 của

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Riêng ông **Trương Văn K**, bà **Võ Thị Á** là người cao tuổi, người có công với cách mạng, có đơn xin miễn án phí nên không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng Hành chính,

Bác kháng cáo của người khởi kiện ông **Trương Văn K** và bà **Võ Thị Á**, bà **Trương Thị Thanh T4** và ông **Lê Đức T5**, bà **Trương Thị Thanh T2** và ông **Lê H**, ông **Trương Thanh T3** và bà **Võ Thị K1**; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông **Trương Thanh T9** và bà **Trần Thị Minh P1**; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 13/2025/HC-ST ngày 24/3/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk).

Áp dụng khoản 2 Điều 173 của Luật Tổ tụng Hành chính; Điều 69, Điều 74 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; điểm g khoản 2 Điều 5 của Pháp lệnh số 02/2020/UBNVQH14 ngày 09/12/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ưu đãi người có công với cách mạng; Điều 104, Điều 105 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; Điều 10, Điều 11, Điều 12 Nghị định số 45/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất; khoản 3 Điều 4 của Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND ngày 22/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh P ban hành Quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của những người khởi kiện vợ, chồng ông **Trương Văn K**, bà **Võ Thị Á**; vợ, chồng bà **Trương Thị Thanh T2** và ông **Lê H**; vợ, chồng ông **Trương Thanh T3** và bà **Võ Thị K1**; vợ, chồng bà **Trương Thị Thanh T4** và ông **Lê Đức T5** về việc yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 4241/QĐ-UBND ngày 11/9/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông Trương Văn K (lần đầu);

- Hủy một phần Quyết định số 843/QĐ-UBND ngày 06/3/2024 của Ủy ban nhân dân thị xã Đ về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện dự án thành phần đoạn C - V thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025 đoạn thuộc địa phận thị xã Đ, tại xã H (đợt 57) (phần liên quan đến gia đình ông K và các con);

- Hủy một phần Quyết định số 3147/QĐ-UBND ngày 29/7/2024 của Ủy ban nhân dân thị xã Đ về việc phê duyệt Phương án điều chỉnh, bổ sung khoản 4, khoản 6 Điều 1 Quyết định số 843/QĐ-UBND ngày 06/3/2024 của Ủy ban nhân dân thị xã Đ về việc phê duyệt Phương án bồi thường hỗ trợ tái định cư để thực hiện dự án thành phần đoạn C - V thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 đoạn thuộc địa phận thị xã Đ, tại xã H (đợt 57) (phần liên quan đến gia đình ông K và các con);

- Hủy Quyết định số 909/QĐ-UBND ngày 08/3/2024 của Ủy ban nhân dân thị xã Đ về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông Trương Văn K, bị ảnh hưởng bởi dự án thành phần đoạn C - V thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 đoạn thuộc địa phận thị xã Đ, tại xã H (đợt 57);

- Hủy Quyết định số 3845/QĐ-UBND ngày 15/8/2024 của Ủy ban nhân dân thị xã Đ về việc điều chỉnh, bổ sung khoản 1 Điều 1 Quyết định 909/QĐ-UBND ngày 08/3/2024 của Ủy ban nhân dân thị xã Đ;

- Buộc Ủy ban nhân dân thị xã Đ bồi thường thiệt hại, khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp của gia đình ông (Trương Văn K) bị xâm phạm do các quyết định hành chính, hành vi hành chính, quyết định giải quyết khiếu nại nói trên. Cụ thể:

+ Cho phép hộ ông Trương Văn K, bà Võ Thị Á lựa chọn lô đất tái định cư vị trí trục đường 16m thuộc khu tái định cư M, H, thị xã Đ;

+ Đề nghị miễn/ giảm tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư vì bà Võ Thị Á là người có công cách mạng bị địch bắt tù đầy, thờ cúng Liệt sỹ Võ Ngọc Á, từ trước đến nay chưa được hưởng chính sách này, vấn đề này đã được quy định rõ tại các quy định pháp luật về ưu đãi người có công cách mạng và quy định pháp luật về đất đai.

- Buộc Ủy ban nhân dân thị xã Đ giao cho các hộ gia đình: vợ, chồng bà Trương Thị Thanh T2 và ông Lê H; vợ, chồng ông Trương Thanh T3 và bà Võ Thị K1; vợ, chồng bà Trương Thị Thanh T4 và ông Lê Đức T5 - mỗi hộ một lô đất tái định cư tại khu tái định cư M, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên;

- Buộc Ủy ban nhân dân thị xã Đ hỗ trợ di chuyển chỗ ở và thuê nhà trọ cho hộ gia đình bà Trương Thị Thanh T2, hộ ông Trương Thanh T3, hộ bà Trương Thị Thanh T4.

2. Bác yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông **Trương Thanh T9**, bà **Trần Thị Minh P1** về yêu cầu: buộc Ủy ban nhân dân thị xã Đ giao cho hộ gia đình ông **Trương Thanh T9**, bà **Trần Thị Minh P1** 01 (một) lô đất tái định cư tại khu tái định cư M, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.

3. Về án phí:

- Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông **Trương Văn K** và bà **Võ Thị Á**.

- Vợ, chồng các ông, bà: **Trương Thị Thanh T4**, **Lê Đức T5**; **Trương Thanh T3**, **Võ Thị K1**; **Trương Thanh T9**, **Trần Thị Minh P1**; **Trương Thị Thanh T2**, **Lê H** - mỗi vợ, chồng phải chịu 300.000đồng án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ tại các Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007073, **số G**, 0007074, 0007071 cùng ngày 04/4/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk) do ông **Trương Văn K** nộp thay.

4. Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*** Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện CT và KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kim Liên